

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ B
TỈNH BÌNH PHƯỚC**
Số: 01/2023/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
B, ngày 08 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc: xác định con cho cha mẹ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Ngọc Mai Phương

Thư ký phiên họp: Bà Võ Thị Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên họp: Bà Đỗ Thị Minh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 13/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023 về việc: “Yêu cầu xác định con cho cha, mẹ”, theo Quyết định mở phiên họp số 19/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023 gồm những người tham gia tổ tụng sau đây:

Người yêu cầu: Ông Đoàn T, sinh năm 1967

Địa chỉ: Tổ 04, khu phố BT, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- 1. Ông Lê TT, sinh năm 1997*
- 2. Ông Lê Văn TH, sinh năm 1969*
- 3. Bà Đoàn Thị KL, sinh năm 1970*
- 4. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1948*

Cùng địa chỉ: Tổ 04, khu phố BT, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Ông Đoàn T yêu cầu xác định ông Lê TT, sinh năm 1997 là con.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 20/3/2023 và quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu – ông Đoàn T trình bày:

Ông Tiến trước đây có làm việc cho Công ty Công nghệ mới Cotec, nên thường xuyên phải đi công tác nước ngoài, cụ thể là ở Ukraina, nên đã quen biết với bà Valentina Sergeiivna Shevchenko- công dân Ukraina, sau thời gian tìm hiểu có tình cảm, chung sống và có con chung với nhau là cháu Lê TT (cháu Thành được sinh ra tại Ukraina – được ông Tiến và bà Valentina Sergeiivna Shevchenko chăm sóc nuôi dưỡng đến khoảng 05 tuổi tại Ukraina, có giấy tờ khai sinh, hộ chiếu lúc nhỏ của cháu ở Ukraina, trước khi trở về Việt Nam), nay cháu Thành

đang sinh sống tại Tổ 04, khu phố BT, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Do hoàn cảnh gia đình, nên khoảng năm 2002 khi cháu Thành được 05 tuổi, ông Tiến đã xin mẹ cháu đưa cháu về Việt Nam để nhờ mẹ ruột là bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1948 và cô chú của cháu là ông Lê Văn TH, sinh năm 1969, bà Đoàn Thị KL, sinh năm 1970 chăm sóc nuôi dưỡng cho đến nay, sau đó ông Tiến phải trở lại Ukraina để làm việc (đến năm 2019 mới trở về sinh sống tại Việt Nam đến nay), trước đây khoảng một năm ông Tiến có về thăm cháu Thành được một lần, giữ liên lạc thường xuyên. Đến tuổi đi học, bà C – bà Nội cháu Thành ở nhà tự làm Giấy khai sinh cho cháu, để có giấy tờ cho Thành đi học và lấy tên ông Lê Văn TH, sinh năm 1969 và bà Đoàn Thị KL, sinh năm 1970 làm tên cha, mẹ của cháu.

Ông Tiến đã cùng ông Thành và bà Liên tiến hành xét nghiệm ADN. Theo kết quả xét nghiệm ADN của Trung tâm công nghệ di truyền học Việt Nam ngày 04/02/2023 xác định: ông Đoàn T và ông Lê TT có quan hệ huyết thống Cha – con, tần suất 99,99999741%. Đồng thời, theo kết quả xét nghiệm ADN của Trung tâm công nghệ di truyền học Việt Nam ngày 09/02/2023 xác định bà Đoàn Thị KL và ông Lê TT không có quan hệ huyết thống mẹ - con.

Nay ông Tiến muốn nhận lại con của mình, điều chỉnh giấy tờ cho hợp pháp, cho con có tên cha mẹ chính xác. Đồng thời, hiện con đã trưởng thành, cần xác lập, thực hiện các quan hệ dân sự liên quan đến quyền nhân thân nên ông Tiến làm đơn yêu cầu Tòa án xác định con cho cha mẹ, xác định ông Lê TT, sinh ngày 02/02/1997 là con của ông Đoàn T, sinh năm 1967.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/3/2023 và tại phiên họp ông Lê TT trình bày:

Ông là con của ông Đoàn T và bà Valentina Sergeiivna Shevchenko (người Ukraina), ông được sinh ra tại Ukraina và được cha mẹ chăm sóc từ nhỏ đến khoảng 5 tuổi thì được đưa về Việt Nam chung sống với bà Nội và cô chú Liên, TH. Khi ông Thành được cha mẹ dẫn về chung sống với bà nội và cô chú tại khu phố BT, phường H ông đã được 05 (năm) tuổi, nên đã có nhận thức và nhớ được cha mẹ ruột của mình là ai, mẹ cha ông do hoàn cảnh không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, nhưng giữa ông và cha mẹ vẫn có sự liên lạc qua điện thoại, cha mẹ ông cũng có về thăm. Từ nhỏ đến lớn ông Thành đều gọi bà Liên và ông TH là cô chú và biết rõ đây là cô chú của mình chứ không phải cha mẹ. Nguyên nhân trong giấy khai sinh của ông tên họ cha mẹ ông không đúng là vì đến tuổi đi học, cần có Giấy khai sinh cho ông đi học, nên bà Nội ông đã đi làm giấy khai sinh, lấy họ tên của cô chú là ông Lê Văn TH, sinh năm 1969 và bà Đoàn Thị KL, sinh năm 1970 làm họ tên cha, mẹ cho ông trên giấy khai sinh. Nay ông Thành mong muốn Tòa án xác định lại chính xác cha, mẹ cho ông theo yêu cầu của ông Đoàn T.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ông Lê Văn TH và bà Đoàn Thị KL trình bày thống nhất:

Vào khoảng năm 2001, ông Đoàn T (anh trai ruột bà Liên) có dẫn theo con trai là cháu Lê TT (lúc đó khoảng 5 tuổi) về gia đình tại tổ 04, khu phố BT, phường H, tỉnh Bình Phước để nhờ mẹ ruột là bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1948 nuôi dưỡng, bà Liên và ông TH cũng ở sát bên nên cùng chăm sóc cháu Thành, vì

thời đó ông Tiến thường xuyên phải đi làm, công tác xa nhà, không có thời gian để chăm sóc cho cháu Thành, sau này để có giấy tờ cho cháu được đi học, nên gia đình đã thống nhất làm giấy khai sinh cho cháu, lấy tên Đoàn Thị KL, sinh năm 1970 và Lê Văn TH, sinh năm 1969 làm tên cha mẹ của cháu Thành trên giấy khai sinh. Từ đó cho đến nay, cháu Thành được bà Nội nuôi dưỡng, chung sống cùng với gia đình tại tổ 04, khu phố BT, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Ông Tiến vẫn thường về thăm cháu Thành. Nay ông Đoàn T có yêu cầu xác định con cho cha mẹ, yêu cầu Tòa án xác định ông Lê TT, sinh ngày 02/02/1997 là con của ông Đoàn T, sinh năm 1967. Ông TH và bà Liên đồng ý với yêu cầu của ông Đoàn T, vì thực tế sự thật cháu Tiến là con trai của ông Đoàn T, mặt khác theo kết quả xét nghiệm AND của Trung tâm công nghệ di truyền học Việt Nam ngày 04/02/2023 xác định ông Đoàn T và ông Lê TT có quan hệ huyết thống Cha – con, tần suất 99,99999741%. Chỉ do hoàn cảnh, cuộc sống, nên ông Tiến mới phải để cháu lại cho bà Nội và cô chú chăm sóc, nuôi dưỡng, nay ông Tiến có nguyện vọng nhận lại cháu, ông TH, bà Liên và gia đình hoàn toàn thống nhất, không có ý khác.

Tại phiên họp:

Ông Tiến giữ nguyên yêu cầu Tòa án xác định ông Lê TT, sinh ngày 02/02/1997 là con của ông Đoàn T, sinh năm 1967.

Ông Lê TT, Lê Văn TH và bà Đoàn Thị KL thống nhất với yêu cầu của ông Đoàn T

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên họp phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết việc dân sự và tại phiên họp tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án đã thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 10 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm t khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết việc dân sự:

Căn cứ Điều 89, 91 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông Đoàn T. Xác định ông Lê TT, sinh ngày 02/02/1997 là con của ông Đoàn T, sinh năm 1967.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự tại phiên họp và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, Tòa án nhân dân thị xã B nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn yêu cầu của ông Đoàn T, xác định đây là việc dân sự “Yêu cầu xác định con cho cha” theo quy định của pháp luật. Người yêu cầu là ông Đoàn T có nơi cư trú tại tổ 04, khu phố BT, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước nên việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B theo quy định tại khoản 10 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm t khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1948 do tuổi đã cao, việc đi lại khó khăn trong biên bản lấy lời khai của Tòa án vào ngày 06/4/2023, bà C xin được giải quyết vắng mặt. Tòa án vẫn tiến hành phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự vắng mặt bà C theo quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do đó, Tòa án nhân dân thị xã B đã tiến hành thụ lý việc dân sự đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Dựa vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ: Xét lời trình bày của ông Đoàn T, ông Lê Văn Thành là phù hợp với lời trình bày của những người tham gia tố tụng khác ông Lê Văn TH, bà Đoàn Thị KL, phù hợp với lời khai người làm chứng là bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1948; Phù hợp với biên bản xác minh tại địa phương nơi cư trú của ông Thành; Phù hợp với kết quả xét nghiệm ADN của Trung tâm công nghệ di truyền học Việt Nam ngày 04/02/2023 xác định ông Đoàn T và ông Lê TT có quan hệ huyết thống Cha – con, tần suất 99,99999741%. Do đó, yêu cầu của ông Đoàn T có đủ cơ sở và căn cứ để chấp nhận. Xác định ông Lê TT, sinh ngày 02/02/1997 là con của ông Đoàn T, sinh năm 1967.

[3] Về lệ phí: Ông Đoàn T phải chịu lệ phí theo quy định.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Tòa án, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 89, 91 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 10 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm t khoản 2 Điều 39, các Điều 316, 366, 367, 369, 370, 371, 372 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc HNGĐ của ông Đoàn T

Xác định ông Lê TT, sinh ngày 02/02/1997 là con của ông Đoàn T, sinh năm 1967.

2. Lệ phí sơ thẩm: Ông Đoàn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã đóng, theo biên lai thu số 0002788 ngày 14/3/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã B.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định này trong hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

- VKSND TX. B;
- UBND phường H;
- Chi cục THADS TX. B
- Các đương sự;
- Lưu;

Trần Ngọc Mai Phương